

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2019

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

3.1 Điều kiện tham dự

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tham dự Đại hội chốt tại ngày 26/04/2019 được quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.

3.2 Quyền của các cổ đông /người được ủy quyền họp lệ đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- * Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội;
- * Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- * Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội;
- * Tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phải mang theo Thư mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu) còn giá trị sử dụng tại

* Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội;

* Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung, chương trình của Đại hội;

* Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

* Trả lời hoặc chỉ định thành viên Đoàn chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

Tri hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.2 Đoàn chủ tọa do Chủ tọa đề cử và được thông qua tại Đại hội bằng Thẻ biểu quyết. Đoàn Chủ tọa có chức năng giúp Chủ tọa điều hành Đại hội

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

6.1 Ban thư ký gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội cử và được thông qua tại Đại hội bằng Thẻ biểu quyết.

6.2 Ban Thư ký thực hiện các công việc ghi chép nội dung chương trình Đại hội, lập Biên bản, Nghị quyết Đại hội và trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tọa.

6.3 Trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

7.1 Ban kiểm phiếu gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa

7.2 Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết, thực hiện việc kiểm đếm số Thẻ biểu quyết theo từng loại: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết.

7.3 Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông, đại diện được ủy quyền cổ đông với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

7.4 Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội;

7.5 Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên BKS;

7.6 Báo cáo kết quả kiểm phiếu (Biên bản kiểm phiếu) trước Đại hội;

7.7 Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;

7.8 Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Điều kiện và cách thức tiến hành họp Đại hội

8.1 Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được mời dự họp.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội lần thứ nhất.

8.2 Cuộc họp Đại hội sẽ được tổ chức làm một buổi theo lịch cụ thể do Ban tổ chức Đại hội thông báo

8.3 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội. Với phương thức biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết

Điều 9: Điều kiện thông qua các nghị quyết của Đại hội

9.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty;
- Tổ chức và giải thể Tổng công ty

9.2 Các nghị quyết khác của Đại hội được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành,

Điều 10: Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

10.1 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay tại phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

10.2 Trường hợp chương trình thay đổi so với nội dung kèm thông báo mời họp hoặc nội dung đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

Điều 11: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giơ Thẻ biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với Ban Chủ tọa qua thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

CHƯƠNG IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 12: Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

12.1 Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội (trừ các nội dung phát biểu không phù hợp với nội dung chương trình Đại hội quy định tại điều 9 Quy chế) phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản Đại hội được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn 24 giờ kể khi kết thúc Đại hội và được lưu giữ tại Tổng công ty và/hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

12.2 Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả biểu quyết, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

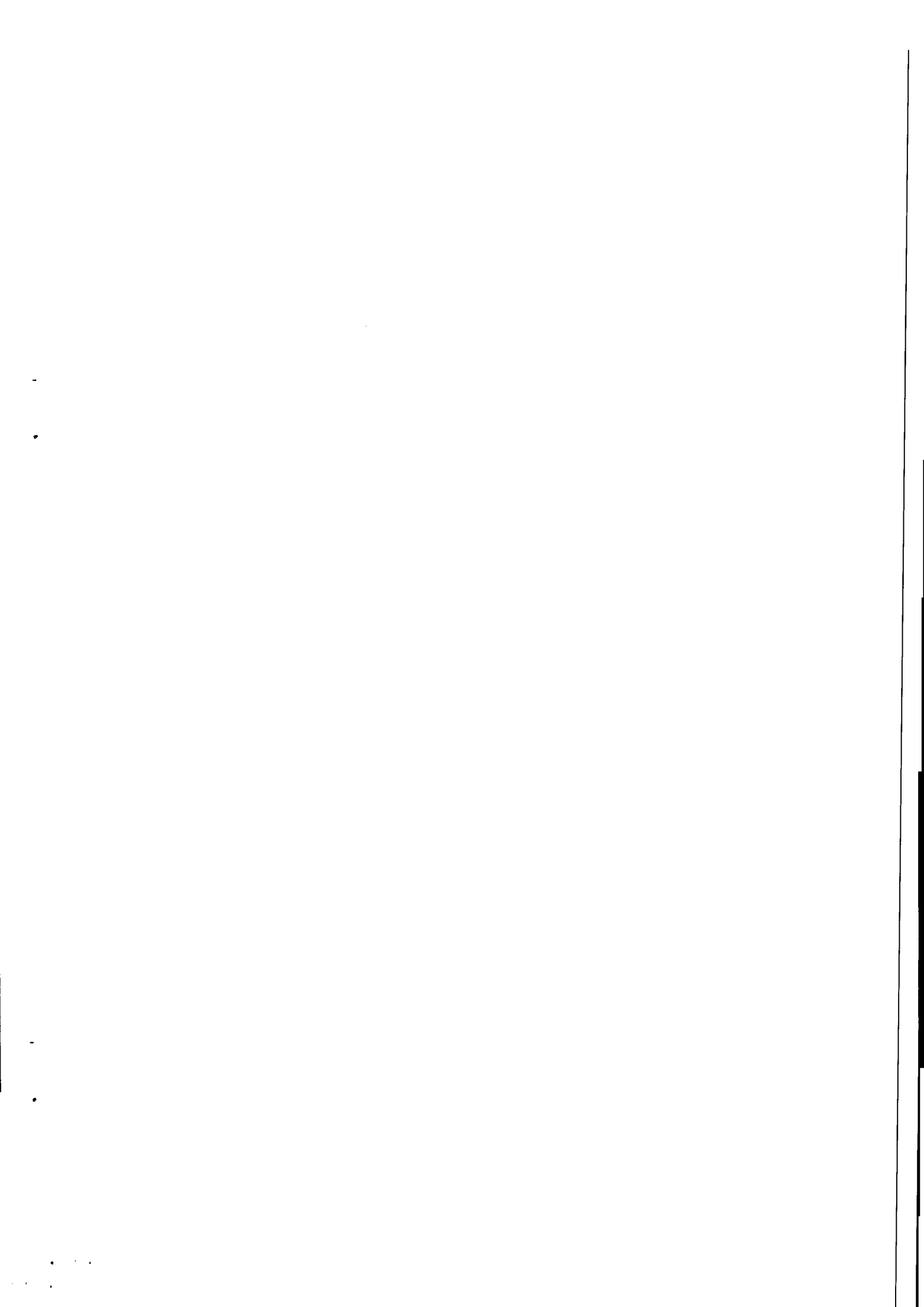
Các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Quy chế này được thông qua tại Đại hội theo nguyên tắc đa số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực ngay tại Đại hội

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Huân



Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

QUY CHẾ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
GIAI ĐOẠN 2019-2022)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt nam được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 02 tháng 06 năm 2018;

Đại hội đồng cổ đông (Đại hội) Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam thường niên năm 2019 tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) giai đoạn 2019 – 2022 theo các quy định sau:

Điều 1: Số lượng thành viên BKS được bầu, tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên BKS; điều kiện ứng cử, đề cử

1.1. Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung:

- Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung là 02 thành viên
- Nhiệm kỳ của thành viên BKS bầu bổ sung: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 – 2022.

1.2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên BKS

Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và các điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu vào BKS;
- Trên mỗi tờ phiếu bầu, cổ đông lựa chọn bỏ phiếu tối đa cho 02 ứng cử viên BKS.
- Cổ đông bầu thành viên BKS bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên BKS sao cho tổng số phiếu bầu thành viên BKS trên mỗi tờ phiếu bầu không lớn hơn số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền nhân với số ứng viên được bầu.

*** Phiếu bầu hợp lệ:**

- Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Tổng Công ty, không cạo, sửa, tẩy, xóa;
- Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
- Tổng số phiếu cổ đông bầu cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông.

*** Phiếu bầu không hợp lệ:**

- Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu bầu bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu bầu có tổng số quyền (phiếu) biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền (phiếu) biểu quyết của cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 4: Quy định về trúng cử, biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu

- Số lượng ứng cử viên trúng cử bầu vào BKS là 2 (hai) ứng cử viên BKS.

- Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát là người có số phiếu bầu cử tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.
- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng bầu vào BKS, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất.
- Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt kết quả, Đại hội có thể biểu quyết để khuyết thành viên BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo.
- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số phiếu và tỷ lệ phiếu hợp lệ, số phiếu và tỷ lệ phiếu không hợp lệ, số phiếu và tỷ lệ phiếu trống; số phiếu và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên được bầu vào BKS.
- Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 5: Hiệu lực thi hành

Quy chế có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Ngọc Huân

Số: /BC-HĐQT 2018

Hà Nội, ngày / tháng / năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Tổng Công ty THCV Việt Nam

Hội đồng quản trị Công ty CP Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam xin gửi tới Quý cổ đông báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 gồm các phần sau:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
2. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2018.
3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
4. Kế hoạch, định hướng của HĐQT.

I. Đánh giá chung của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Theo xu hướng chuyển dịch từ truyền hình truyền thống sang mô hình truyền hình số, Việt Nam được xem là một thị trường đầy tiềm năng cho các dịch vụ truyền hình trên internet. Mặc dù có nhiều cơ hội phát triển mới nhưng Truyền hình truyền thống nói chung và Truyền hình cáp Việt Nam nói riêng phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức do thị trường nội dung số đang có sự cạnh tranh lớn giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Hiện nay với Internet, người dùng có thể xem các nội dung truyền hình theo nhu cầu, ở bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào trên nhiều nền tảng, nhiều hệ thống như mạng xã hội, hệ thống internet OTP. Một phần không nhỏ người dùng hiện nay không còn muốn xem truyền hình theo cách truyền thống.

Để bắt kịp với xu hướng chung, năm 2018, VTCcab cũng dần chuyển dịch chiến lược kinh doanh, ngoài việc cố gắng duy trì lượng khán giả truyền thống, VTCcab chú trọng đầu tư phát triển lượng khán giả mới để tối đa hóa doanh thu, dịch chuyển truyền hình truyền thống sang truyền hình OTT.

Trong năm 2018, VTCcab đã giải quyết cơ bản những tồn tại của quá trình cổ phần hóa, chuẩn bị đủ điều kiện và tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển dài hạn của Tổng Công ty trong những năm tiếp theo. Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã đạt được như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Ghi chú
Tổng doanh thu	2.254.284	
Lợi nhuận sau thuế	63.648	

(Số liệu báo cáo đã được kiểm toán)

II. Đánh giá về hoạt động của Ban Điều hành

- Ban Giám đốc Tổng Công ty đã hoàn thành tốt vai trò của mình, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị và chỉ đạo của HĐQT, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban Giám đốc Tổng Công ty đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban tuần, tháng nhằm giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kịp thời đề xuất, kiến nghị HĐQT để có những chỉ đạo định hướng kịp thời phù hợp với tình hình thực tế.

- Trong công tác chỉ đạo, điều hành, HĐQT và Ban Giám đốc Tổng Công ty luôn có sự nhất trí cao, thống nhất điều hành, đưa ra những giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp góp phần hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ đề ra.

- HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Giám đốc Tổng Công ty và tin tưởng Ban Giám đốc Công ty sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trọng kinh doanh dịch vụ Truyền hình, từng bước chinh phục thị trường khó tính trong bối cảnh kinh doanh dịch vụ Truyền hình còn nhiều khó khăn phức tạp

III. Các hoạt động HĐQT năm 2018

Trong quý III, quý IV năm 2018 (kể từ khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần) HĐQT đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nhiệm vụ được giao như các quyết định kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch hàng năm, giám sát, chỉ đạo hoạt động điều hành của Tổng Công ty, phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

HĐQT đã ban hành 06 Nghị quyết, thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, như tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, tái cơ cấu, sắp xếp lại nhân sự tại một số đơn vị, quản lý hiệu quả đầu tư của Tổng Công ty vào các lĩnh vực trọng điểm.

+ Thay đổi tên gọi, chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Truyền thông & Marketing.

+ Hợp nhất 02 đơn vị là Trung tâm Kỹ thuật hạ tầng và Trung tâm Viễn thông & KSCL hạ tầng thành Trung tâm Hạ tầng viễn thông.

+ Thành lập Trung tâm Công nghệ số.

+ Đổi tên Ban PC&KSNB thành Ban Kiểm toán nội bộ.

- Hoàn thiện dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Thông qua kết quả kinh doanh quý III/2018, Hoàn thiện đề án về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty con là Công ty Cổ phần công nghệ Việt Thành do VTVcab đang

sở hữu 51% vốn Điều lệ, hoàn thiện đề án chuyển đổi mô hình hoạt động của Chi nhánh 5 thành Công ty con.

- Thông qua chiến lược chung điều hành hoạt động của VTVcab:

+ Thu hẹp các lĩnh vực hoạt động đầu tư không hiệu quả, cơ cấu lại việc đầu tư các khu vực địa bàn nhỏ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

+ Mở rộng đầu tư, nghiên cứu phát triển hạ tầng online, hạ tầng viễn thông chất lượng cao, vốn đầu tư thấp như: truyền hình mobile (Onme), Online TV, Esport, thanh toán online và thương mại điện tử.

HDQT đã báo cáo Người đại diện xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan chủ sở hữu về các việc sau:

- Chấm dứt hoạt động các chi nhánh Quảng Trị, Cà Mau, Đắk Lắk.

- Bán/thoái vốn đầu tư tại công ty con là Công ty CP Công nghệ Việt Thành (Vita) do VTVcab đang sở hữu 51% vốn điều lệ để đảm bảo hiệu quả đầu tư, thu hồi vốn của VTVcab.

- Chủ trương chuyển đổi Chi nhánh 5 thành công ty con, hoạt động độc lập

IV. Kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2019

Để tồn tại và phát triển vững mạnh thu hút được ngày càng nhiều thuê bao, VTVcab xây hướng đi thích hợp để tạo ra bản sắc riêng, phát triển thương hiệu lớn có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhằm chiếm lĩnh thị phần. Các định hướng chính trong việc phát triển của VTVcab:

- Tiếp tục giữ vững và phát triển mạnh thị trường truyền thống, đẩy mạnh kinh doanh các dịch vụ truyền hình theo yêu cầu (VOD), Internet, Truyền hình Online, Truyền hình HD, 4K... Phát triển các gói dịch vụ riêng biệt dành riêng cho từng tập khách hàng khác nhau. Tập trung phát triển gói dịch vụ cao cấp và tập khách hàng Premium.

- Mở rộng địa bàn và đầu tư hợp lý, phát triển chiều sâu nhằm tiết kiệm đầu tư mà vẫn cung cấp đầy đủ nhu cầu của khách hàng trên toàn quốc. Tăng cường hợp tác kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền trên các hạ tầng khác: Các nhà mạng viễn thông, các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền khác (vệ tinh, số mặt đất. cáp) để tận dụng hạ tầng và mở rộng tập khách hàng tiềm năng.

- Tăng cường đầu tư sản xuất để chất lượng hóa các kênh truyền hình theo hướng chuyên đề, chuyên sâu, đáp ứng thỏa mãn nhu cầu khách hàng, cân đối về nội dung Tiếng Việt và kênh nước ngoài, giảm chi phí bản quyền chương trình, nâng cao hiệu quả đầu tư. Xây dựng mới kênh thể thao điện tử Esport.

- Tăng cường kinh doanh nội dung, dịch vụ giải trí trên mạng Internet

+ Hợp tác kinh doanh nội dung trên hạ tầng nhà mạng viễn thông như Viettel Mobile, Vina.

+ Thiết lập mạng đa kênh (MCN) trên Youtube.

- + Kinh doanh trên hệ sinh thái VTVcab On và phân phối nội dung ra nước ngoài.
- + Xây dựng fanpage ON Media trên mạng xã hội.
- + Phát triển các ứng dụng tích hợp sẵn trên Smart TV và Android TV Box.
- + Hợp tác triển khai nền tảng chia sẻ video, cạnh tranh với các nền tảng chia sẻ video phổ biến tại Việt Nam.
- + Phát triển thương mại điện tử.
- Tăng cường đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám, lợi nhuận cao.

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Ghi chú
Tổng doanh thu	2.221.258	
Lợi nhuận trước thuế	73.272	
Lợi nhuận sau thuế	63.648	

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của HĐQT VTVcab về công tác quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng hoạt động năm 2019 và một số kiến nghị để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên:
- HĐQT:
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Huân

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Số: /BC-VTVcab

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, VTVcab đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, phát triển thuê bao do Đài Truyền hình Việt Nam giao. Phát triển thuê bao các loại hình dịch vụ và doanh thu năm 2018 đều tăng trưởng ổn định.

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	KH 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % so với KH 2018
1. Số lượng TB cuối kỳ	1.852.816	1.860.932	100.44%
2. Doanh thu	2.349.383	2.254.284	96.0%
3. Lợi nhuận sau thuế	58.878	63.648	108%

Trong đó: Tổng thuê bao đối với các loại hình dịch vụ, VTVcab đã hoàn thành 100.44% so với kế hoạch năm 2018.

Tổng Doanh thu đạt 96% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế đạt 108% kế hoạch năm 2018.

II. NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2018

2.1 Dịch vụ mới.

Năm 2018, VTVcab dần chuyển dịch chiến lược kinh doanh, ngoài việc cố gắng duy trì lượng khán giả truyền thống, VTVcab chú trọng đầu tư phát triển lượng khán giả mới để tối đa hóa doanh thu, dịch chuyển truyền hình truyền thống sang truyền hình OTT.

- Hợp tác với Viettel hoàn thiện và đưa ứng dụng Onme vào vận hành. Từ ngày 08/05/2018, tính đến tháng 12/2018 đã có 2.1 triệu lượt tải và hơn 500 nghìn lượt user active hàng tháng.

- Hợp tác phát triển ứng dụng VTVcab ON trên thiết bị của các nhà cung cấp đầu thu OTT, Smart TV. trên mạng Vinafone, Mobifone, Viettel, Vietnamobile

- Từ ngày 07/12/2018 VTVcab hợp tác với DATVIET chuyển đổi ứng dụng VTVcab ON thành ứng dụng VieON. Tính từ 7/12 đến 15/1 đã có thêm ~ 1.200.000 lượt tải và ~ 1.000.000 lượt active mới.

- Hợp tác với các đơn vị cung cấp nội dung để mang các gọi nội dung đặc sắc cho hệ sinh thái ON của VTVcab: Đã đàm phán xong với Vubiquity, đang đàm phán với Điền Quân, Grey Juice. Dự kiến Q1/2019 có thể đưa lên VieON và Onme.

- Nghiên cứu triển khai đầu thu OTT chạy hệ điều hành Andorid để bundle với gói dịch vụ Viễn Thông: Hoàn thành yêu cầu kỹ thuật, đang phối hợp với đối tác chọn phần cứng và phát triển phần mềm, dự kiến hoàn thành vào Q1/2019.

Website VTVcab/Fanpage/Youtube

- Fanpage VTVcab: 134.179 lượt theo dõi. Tăng 622% so với cùng kỳ 2017 (18.576 lượt)

- Youtube VTVcab: 10.934 lượt đăng ký. Tăng 168% so với cùng kỳ 2017 (4.079 lượt)

- Website. 3.300.548 lượt truy cập. Tăng 5% so với cùng kỳ 2017 (3.130.750 lượt).

2.2 Sản xuất nội dung thể thao:

Toàn bộ nội dung thể thao cho nhóm kênh truyền thống và nội dung số được thực hiện trong năm 2018 tăng lên từ 20%-40%. Tập trung phát triển các gói nội dung đa dạng, độc quyền (Nhà vô địch) về thể thao cung cấp cho Onme, On Sports, VTVcab ON (VieOn). Nhóm kênh Thể thao và các Nội dung thể thao trên nền tảng số luôn nằm trong Top các kênh hoặc VOD có số lượng xem đông đảo, ổn định.

Các hoạt động sản xuất sự kiện trong nước được đầu tư như V-League, Quần vợt, cùng với đó là sự mở rộng sang các bộ môn hoặc có truyền thống như Bóng chuyền, phục vụ cộng đồng như HPL hoặc đang lan toả như Golf đã khẳng định chất lượng và năng lực sản xuất cũng như tầm ảnh hưởng của VTVcab nói chung với Nhóm nội dung thể thao trong nước

2.3 Công tác tổ chức lao động, tiền lương:

VTVcab tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy giúp việc của Tổng Công ty: thành lập mới, giải thể, sáp nhập, thay đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của một số phòng, ban, đơn vị chuyên môn. Tổng số các đơn vị, phòng, ban và chi nhánh là 72 đơn vị (tính đến tháng 12/2018). Trong đó:

+ Khối phòng, ban là 23 đơn vị.

+ Các chi nhánh trên toàn quốc: 49 chi nhánh.

+ Số lượng lao động: 1341 lao động trong đó:

Số lao động tại các đơn vị Hà Nội: 765 người

Cán bộ lãnh đạo: 136 người

Năm 2018 thành lập một số đơn vị để thực hiện chiến lược phát triển nội dung mới

+ Trung tâm Sản xuất nội dung âm nhạc và giải trí;

+ Trung tâm Công nghệ số.

+ Trung tâm Hỗ trợ tiếp thị và phân phối Việt – Hàn.

Năm 2018, VTCab đã triển khai thực hiện quy chế lương mới: trả lương theo vị trí chức danh công việc và hiệu quả lao động nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của từng cá nhân trong Tổng Công ty. Xây dựng hệ thống KPI cho lãnh đạo các đơn vị nhằm nâng cao công tác quản lý và trách nhiệm với công việc.

(Đơn vị: VNĐ)

	Số thực hiện năm 2017	Số Kế hoạch năm 2018	Số ước thực hiện năm 2018
Tổng quỹ lương	225.806.000.000	192.636.360.000	170.532.946.235
Bình quân lao động	2.066 lao động	1.743 lao động	1.556 lao động
Tiền lương bình quân	9.108.019	9.210.000	9.133.084

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2019

1. Nội dung - New Media

- VTCabON (VieON) tiếp tục phát triển với mục đạt 10 triệu lượt tải, với lượng thuê bao active trung bình đạt 50%.

- Phát triển Onme, dự kiến doanh thu thuê bao, quảng cáo đạt trên 50 tỷ/năm

- Phát triển hệ sinh thái On với nhiều ứng dụng mới: Onfree (Live streaming, tương tác, cho phép người dùng phát Video trực tiếp cho cộng đồng từ ứng dụng trên điện thoại di động (iOS, Android), dự kiến đưa ra thị trường cuối Quý 2/2019, hợp tác với các đơn vị khác như: SCTV digital phát triển ứng dụng Onplay, hợp tác với VTVgo tích hợp hạ tầng kỹ thuật, hợp tác kinh doanh, tạo lên một "siêu ứng dụng" về truyền hình với kho nội dung phong phú hàng đầu Việt Nam.

2. Dịch vụ khách hàng

- Chiến lược chăm sóc khách hàng 2019: triển khai mạnh mẽ và sâu rộng “Dịch vụ không thoả hiệp”, lấy khách hàng là trung tâm của mọi hành động và sự phát triển.

Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Tỷ lệ kết nối cuộc gọi trong vòng 60s đạt trên 95%

+ Tỷ lệ khả dụng (sẵn sàng hỗ trợ 24/7) của hệ thống tổng đài đạt trên 99%

+ Trên 96% khách hàng hài lòng về chất lượng dịch vụ sau lắp đặt, bảo hành

+ Trên 98% khách hàng hài lòng về thái độ phục vụ sau lắp đặt, bảo hành

+ Trên 97% khách hàng được giải quyết sự cố trong ngày, trong đó tỷ lệ đúng giờ đạt trên

86%.

+ Giảm tỷ lệ bảo hành lặp lại dưới 12%

+ Nâng cao tỷ lệ lắp đặt dịch vụ thành công, đạt tỷ lệ trên 72%.

+ Tỷ lệ chăm sóc khách hàng quay vòng trả trước Internet tại Hà Nội đạt trên 70%, các dịch vụ khác đạt trên 65%.

3. Hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật

- Triển khai kết nối cấp Uplink các dự án mạng quang Gpon tại các địa bàn trọng điểm và các dự án xây dựng mạng GPON tại các địa bàn hợp tác.

- Rà soát hạ tầng, thực hiện lắp đặt và tách HE/Hub, san tải các khu vực access cao, các khu vực hạ tầng mạng lưới xung yếu.

- Thực hiện quy hoạch hạ tầng dịch vụ viễn thông, nghiên cứu phát triển công nghệ và dịch vụ hạ tầng mới.

4. Đầu tư dự án

Năm 2019, tập trung triển khai các dự án trọng điểm:

- Xây dựng hạ tầng cung cấp dịch vụ Nội dung số OVP.

- Dự án phát triển mạng xã hội livestream OnFree ONFREE.

- Đầu tư hệ thống Multi DRM hỗ trợ HEVC, 4K, đồng thời tránh phụ thuộc vào 1 hệ thống DRM duy nhất.

- Hợp tác phát triển ứng dụng thuộc hệ sinh thái ON: Triển khai các ứng dụng ON cho các nhà mạng, trên các sản phẩm của các đơn vị hợp tác (BTE, JAV)...

- Dự án phát sóng 4K, phát sóng trên Cloud.

- Mở rộng hệ thống BI.

- Triển khai Big Data pha 2.

Trên đây là báo cáo Hoạt động của Ban Điều hành năm 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT.



Hà nội, ngày tháng 06 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam ngày 02/06/2018 và các văn bản pháp luật liên quan, Ban kiểm soát (BKS) đã họp và nhất trí thông qua báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 với các nội dung cụ thể sau:

**Phần I
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
GIỮA HAI KỲ ĐHĐCĐ NĂM 2018 - 2019**

1. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có 05 thành viên được ĐHĐCĐ thành lập Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) ngày 02/06/2018 bầu theo quy định của Luật doanh nghiệp, gồm các ông (bà):

- 1) Ông Nguyễn Minh Điệp – Nguyên là chuyên viên Ban KHTC, Đài THVN;
- 2) Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Trưởng BKTNB;
- 3) Bà Lê Thị Hồng Hạnh – Phó Ban KTNB;
- 4) Ông Đinh Trung Dũng – Phó Ban KTNB;
- 5) Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Nhân viên Ban KTNB.

BKS chính thức hoạt động từ ngày 30/06/2018 theo giấy đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty. BKS họp theo định kỳ tháng/1 lần, ngay phiên họp đầu tiên của BKS tại ĐHĐCĐ năm 2018, các thành viên BKS đã bầu Ông Nguyễn Minh Điệp làm Trưởng BKS, các phiên họp tiếp theo gồm các nội dung sau:

- Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thông qua làm căn cứ triển khai thực hiện công tác kiểm soát;
- Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2022;
- Xây dựng quy trình kiểm soát để đảm bảo công tác kiểm soát được thực hiện đúng quy định và được sự phối hợp, hợp tác giữa các đơn vị, cá nhân liên quan;
- Đánh giá tình hình thực hiện công việc kiểm soát và công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, thẩm định Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo định kỳ hàng quý, năm; tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018;
- Tổng hợp báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019;

- Thống nhất việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2019 của Tổng công ty và lập Tờ trình ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua;
- Các nội dung khác liên quan đến nhiệm vụ của BKS theo quy định.

*** Các hoạt động thực tế:**

Ngoài các phiên họp của BKS, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi để thống nhất ý kiến về kết quả công tác kiểm soát thông qua thư điện tử và các hoạt động thực tế, cụ thể như sau:

- Phối hợp, tham gia cùng Văn phòng và đơn vị liên quan trong Tổng công ty xây dựng bộ quy chế hoạt động chung của Tổng công ty, gồm: Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS và các Quy chế, Quy định khác;
- Tổ chức đi công tác thực tế tại các Chi nhánh của Tổng công ty để nắm bắt tình hình quản lý, điều hành và kết quả kinh doanh của Tổng công ty tại các địa bàn toàn quốc;
- Thực hiện công tác kiểm soát thường xuyên về kết quả hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm trên cơ sở các báo cáo của Ban Giám đốc gửi HĐQT, BKS và phần mềm kế toán online của Tổng công ty;
- Thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến HĐQT về các nội dung liên quan đến hoạt động của Tổng công ty qua thư điện tử và các phương tiện thông tin khác;
- Thẩm định Báo cáo tài chính cho giai đoạn công ty cổ phần.

*** Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Tiền lương, thù lao của BKS từ 1/7/2018 đến 31/12/2018:
 - + Thành viên BKS không chuyên trách được hưởng thù lao theo Nghị quyết ĐHCĐ, mức thù lao năm 2018 là: 7.000.000 đồng/người/tháng. Thời gian chi trả thù lao 6 tháng/lần.
 - + Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương theo chế độ của Tổng công ty, mức lương cố định là 28.400.000 đồng/tháng và tiền thù lao là 8.000.000 đồng/tháng.
- Chi phí hoạt động của BKS từ 1/7/2018 đến 31/12/2018:
 - Tuân thủ theo Quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ Tổng công ty và được tập hợp thành mục riêng trên báo cáo tài chính.

2. Kết quả kiểm soát, thẩm định Báo cáo tài chính và đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và Cổ đông.

2.1. Kết quả kiểm soát, thẩm định Báo cáo tài chính.

Qua quá trình kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng công ty, BKS có nhận xét như sau:

2.1.1. Đặc điểm tình hình tổ chức và hoạt động của Tổng công ty:

a. Về công tác tổ chức:

Bộ máy tổ chức hoạt động của Tổng công ty gồm: ĐHCĐ, HĐQT, BKS, Ban Giám đốc điều hành, 14 Trung tâm, 03 Phòng và 03 Ban chuyên môn nghiệp vụ, 52 Chi

nhánh (bao gồm Trung tâm Truyền hình khách sạn), 04 công ty con, 04 công ty liên kết.

Trong tổng số 52 Chi nhánh, có 36 Chi nhánh 100% vốn của Tổng công ty (Trong 36 Chi nhánh này: Tổng công ty trực tiếp quản lý, điều hành 15 Chi nhánh; Công ty Trí Việt hợp tác đầu tư và quản lý, điều hành 19 Chi nhánh; Công ty Cửu Long hợp tác quản lý, điều hành 02 Chi nhánh) và 16 Chi nhánh có vốn góp của Tổng công ty với các đối tác khác (Trong đó: Tổng công ty trực tiếp quản lý, điều hành 06 Chi nhánh; đối tác quản lý, điều hành 10 Chi nhánh).

Tổng số CBNV và người lao động tại thời điểm 31/12/2018 là 1.341 người, giảm so với thời điểm chuyển thành công ty cổ phần khoảng 200 người, chủ yếu do bàn giao 19 Chi nhánh cho Công ty Trí Việt quản lý, điều hành. Trong đó:

- Xếp theo hợp đồng lao động: Lao động hợp có đồng dài hạn là 900 người, Lao động hợp đồng 3 năm là 367 người, lao động hợp đồng 1 năm là 74 người;

- Xếp theo trình độ chuyên môn: 01 tiến sĩ, 37 thạc sĩ, 751 đại học, 464 cao đẳng, 53 lao động có tay nghề và 35 lao động khác;

b. Tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2018, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức của thị trường, không chỉ từ các đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực truyền hình mà gay gắt hơn là từ các nhà mạng viễn thông, thậm chí các nhà mạng viễn thông còn sử dụng truyền hình để khuyến mại khách hàng tham gia sản phẩm của họ.

Hiện nay thị hiếu khách hàng xem truyền hình nói chung và truyền hình truyền thống nói riêng giảm mạnh và xu thế chuyển sang xem truyền hình trên internet và mạng viễn thông là phổ biến, xu thế này ảnh hưởng lớn đến thị trường cũng như thị phần hoạt động của Tổng công ty, khi mà hạ tầng cơ sở còn hạn chế, thiếu sức cạnh tranh ngay cả đối với lĩnh vực truyền hình truyền thống, chưa kể đến Internet và các dịch vụ gia tăng khác.

Mặt khác, Tổng công ty mới chuyển đổi mô hình hoạt động từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần nên còn hạn chế, khó khăn về công tác quản trị và nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển. Trong điều kiện nhà nước đang từng bước thoái vốn tại doanh nghiệp, nhu cầu về vốn đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp với công nghệ hiện tại đối với Tổng công ty là rất lớn, cùng với sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường việc huy động vốn theo hình thức phát hành trái phiếu hoặc bán cổ phần cũng rất khó khăn.

Đánh giá về năng lực thực tế của Tổng công ty: Với lực lượng lao động nêu trên có thể thấy rằng nguồn nhân lực của Tổng công ty có đủ trình độ để đáp ứng các yêu cầu của thị trường về mặt kỹ thuật và công nghệ cũng như việc sản xuất và phát triển các sản phẩm, dịch vụ truyền hình ứng dụng trên mọi phương tiện theo nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, xét về nguồn lực tài chính để đáp ứng những yêu cầu đó là vấn đề khó khăn nhất đối với Tổng công ty hiện nay.

Nhận định được những khó khăn, HĐQT, Ban Giám đốc đã có những giải pháp cần thiết để giữ ổn định tình hình hoạt động kinh doanh, như: tăng cường chăm sóc khách hàng, giữ ổn định thị trường truyền hình cáp, hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, một mặt để phát triển hạ tầng mạng, nâng cao chất lượng các dịch vụ truyền hình và internet, mặt khác để phát triển kinh doanh về nội dung, chương

trình truyền hình trên các phương tiện truyền thông. Qua đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2018 cơ bản vẫn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kế hoạch, lợi nhuận ổn định so với năm trước.

2.1.2. Về giám sát hoạt động quản lý của HĐQT:

Hội đồng quản trị có 05 thành viên được ĐHCĐ thành lập Tổng công ty ngày 02/06/2018 bầu theo quy định của Luật doanh nghiệp và HĐQT đã họp phiên thứ nhất ngay tại đại hội để bầu Chủ tịch HĐQT, qua đó Ông Hoàng Ngọc Huân được bầu làm Chủ tịch HĐQT, danh sách các thành viên HĐQT gồm:

- 1) Ông Hoàng Ngọc Huân – Chủ tịch HĐQT
- 2) Ông Bùi Huy Năm – Thành viên
- 3) Ông Trịnh Long Vũ – Thành viên
- 4) Ông Nguyễn Hữu long – Thành viên
- 5) Ông Nguyễn Trung Huân – Thành viên

Năm 2018, HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp, nội dung các cuộc họp cụ thể như sau:

- Thống nhất con dấu và quy định về việc sử dụng con dấu;
- Thống nhất việc bổ nhiệm Ban điều hành và phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên HĐQT;
- Ban hành các nghị quyết, quyết định để sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nhằm hoàn thiện công tác quản trị; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, điều hành, định hướng chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ năm 2018.
- Thông qua kết quả và kế hoạch kinh doanh hàng quý;
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Trong đó, một số nội dung liên quan đến việc tổ chức sắp xếp lại bộ máy hoạt động của Tổng công ty đã được các thành viên HĐQT thông qua gồm:

- + Đổi tên Ban PC&KSNB thành Ban kiểm toán nội bộ (KTNB);
- + Đổi tên Trung tâm Truyền thông và Marketing thành Trung tâm truyền thông;
- + Hợp nhất Trung tâm Kỹ thuật hạ tầng với Trung tâm viễn thông và Kiểm soát chất lượng hạ tầng thành Trung tâm Hạ tầng viễn thông;
- + Thành lập Trung tâm công nghệ số;
- + Hợp tác kinh doanh với Công ty Trí Việt về việc quản lý, điều hành kinh doanh đối với 19 Chi nhánh của Tổng công ty hoạt động kém hiệu quả tại một số tỉnh thành;
- + Riêng đối với 02 nội dung gồm: thoái vốn đầu tư tại công ty con là Công ty cổ phần công nghệ Việt Thành (VITA) do VTVcab sở hữu 51% vốn điều lệ; chuyển đổi mô hình hoạt động Chi nhánh 5 thành công ty con, đã được HĐQT thống nhất về mặt chủ trương và đang chờ xin ý kiến Đài THVN quyết định.

Trong các phiên họp của HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT.

HDQT đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ Tổng công ty. Các Nghị quyết, quyết định của HDQT được ban hành phù hợp với thực tiễn, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển của Tổng công ty.

2.1.3. Về giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HDQT-VTVcab ngày 14/08/2018 của HDQT về việc bổ nhiệm Ban điều hành, Chủ tịch HDQT đã quyết định bổ nhiệm Ban Giám đốc điều hành Tổng công ty gồm:

- 1) Ông Bùi Huy Năm - Tổng Giám đốc;
- 2) Ông Nguyễn Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc;
- 3) Ông Nguyễn Văn Ninh - Phó Tổng Giám đốc;
- 4) Ông Tạ Sơn Đông - Phó Tổng Giám đốc;
- 5) Bà Trần Ngọc Huyền - Kế toán trưởng.

Năm 2018, tuy tình hình thị trường rất khó khăn, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HDQT, Ban Giám đốc đã năng động, sáng tạo và nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018 và các nghị quyết, quyết định của HDQT.

Ban Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành theo định hướng, chỉ đạo của HDQT và có các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ.

2.1.4. Kết quả kinh doanh và kết quả thẩm định BCTC:

Qua thẩm định BCTC năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Price Waterhouse Cooper Việt Nam, BKS báo cáo kết quả thẩm định như sau:

2.1.4.1. Về việc thực hiện chế độ kế toán và lập BCTC:

- Các BCTC riêng của công ty mẹ và BCTC hợp nhất đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng nhất quán, tuân thủ các quy định, các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam;

- Các BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2018;

- Các báo cáo được trình bày rõ ràng các thông tin và sự kiện trong năm tài chính 2018, không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán;

Tuy nhiên, thời gian lập và gửi BCTC còn chậm ảnh hưởng đến việc thẩm định BCTC của BKS và việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

2.1.4.2. Về số liệu và kết quả kinh doanh:

Ban kiểm soát thống nhất số liệu thể hiện trên các BCTC của Tổng công ty năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Price Waterhouse Cooper Việt Nam như sau:

a. Số liệu BCTC riêng của công ty mẹ:

- Các chỉ tiêu về sản phẩm, dịch vụ:

Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu của Tổng công ty hiện nay gồm: dịch vụ truyền hình

cáp, dịch vụ truyền hình thông qua mạng viễn thông, Internet (công nghệ OTT) và các sản phẩm là các chương trình, kênh chương trình truyền hình được sản xuất và phát sóng trên các phương tiện truyền thông. Do sự thay đổi về thị hiếu khách hàng và sự cạnh tranh của thị trường, việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty cũng có biến động, cụ thể:

+ Về dịch vụ truyền hình cáp (Số liệu thuê bao tại các Chi nhánh của VTVcab):

TT	Diễn giải	Số liệu thuê bao đang nổi lũy kế tại ngày 31/12/2017	Số liệu thuê bao đang nổi lũy kế tại ngày 31/12/2018	So sánh 2018/2017	
				Chênh lệch	Tỷ lệ %
a	b	1	2	3=2-1	4=2/1
1	Thuê bao Analog	1.131.835	1.032.709	-99.126	91,24
2	Thuê bao THS	84.914	87.648	2.734	103,22
3	Thuê bao HD	243.633	239.916	-3.717	98,47
4	Thuê bao Internet	103.827	108.773	4.946	104,76
5	Thuê bao DVB-T2	1.394	5.802	4.408	416,21

Theo số liệu tổng hợp trên, dịch vụ thuê bao truyền hình Analog chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các dịch vụ thuê bao truyền hình nói chung của Tổng công ty vẫn đang có chiều hướng giảm mạnh so với các năm trước, năm 2018 giảm 99.126 thuê bao tương ứng 8,76% so với năm 2017. Các dịch vụ thuê bao truyền hình khác cũng có xu hướng giảm và dịch chuyển sang công nghệ mới.

Dịch vụ Internet hiện nay đang là mục tiêu chính của các nhà mạng nên có sự cạnh tranh rất khốc liệt, việc phát triển dịch vụ này đối với Tổng công ty đang là vấn đề rất khó khăn do thiếu vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng;

Dịch vụ DVB-T2 mới được triển khai để phù hợp với quy hoạch của nhà nước về công tác truyền thông cũng đã có thị phần nhất định trên thị trường.

+ Về dịch vụ truyền hình thông qua mạng viễn thông và Internet:

Ngoài dịch vụ truyền hình cáp, những năm gần đây cùng với sự phát triển của mạng viễn thông và Internet, Tổng công ty đã hợp tác với một số nhà mạng triển khai các dự án cung cấp dịch vụ truyền hình OTT. Công nghệ OTT được dự báo sẽ còn phát triển mạnh trong tương lai và trở thành một trong những xu thế về công nghệ. Theo đó, Tổng công ty đã triển khai ứng dụng VTVcab On là thương hiệu của Tổng công ty, đồng thời hợp tác với Viettel triển khai ứng dụng Onme... và dự kiến sẽ còn hợp tác với nhiều đối tác khác để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thông qua loại hình này.

+ Về phát triển nội dung chương trình, kênh chương trình:

Cùng với việc tập trung phát triển hạ tầng mạng truyền hình cáp và các ứng dụng truyền hình thông qua mạng viễn thông và Internet, để đáp ứng nhu cầu người xem truyền hình trên mọi phương tiện, Tổng công ty đã và đang đầu tư phát triển kinh doanh về mảng nội dung chương trình và kênh chương trình với nhiều nội dung đa dạng và phong phú như: hợp tác phát triển các kênh bán hàng trên truyền hình và Internet, đầu tư nâng cao chất lượng và nội dung các chương trình thể thao giải trí, các chương trình được nhiều người xem truyền hình quan tâm hiện nay nhằm thu hút khách hàng, tăng số lượng người xem truyền hình thông qua các sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty.

- Các chỉ tiêu giá trị:

TT	Chỉ tiêu	TH 2017 (triệu đồng) (*)	KH 2018 (triệu đồng)	TH 2018 (triệu đồng)			Tỷ lệ (%) TH/KH 2018			Tỷ lệ (%) TH 2018/ 2017
				6T đầu năm 2018	6T cuối năm 2018	Cả năm 2018	6T đầu năm 2018	6T cuối năm 2018	Cả năm 2018	
a	b	1	2	3	4	5=3+4	6=3/2	7=4/2	8=5/2	9=5/1
1	Tổng doanh thu	2.300.778	2.349.383	1.129.347	1.124.937	2.254.284	48,07	47,88	95,95	97,98
1.1	Bán hàng và dịch vụ	2.279.415				2.225.772				97,65
	- Dịch vụ truyền hình	1.318.185				1.245.645				94,50
	- Dịch vụ Internet	58.490				95.457				163,20
	- Dịch vụ quảng cáo	109.534				54.557				49,81
	- Bán quyền	352.133				375.326				106,59
	- Truyền dẫn	218.677				228.848				104,65
	- Xã hội hóa	177.302				188.922				106,55
	- Bán hàng	19.800				16.511				83,39
	- Dịch vụ khác	25.294				20.504				81,06
1.2	Hoạt động tài chính	21.056				26.612				126,38
1.3	Thu nhập khác	307				1.899				618,25
2	LN trước thuế TNDN	20.087	70.239	35.596	37.674	73.270	50,68	53,64	104,32	364,76
3	LN sau thuế TNDN	20.006	58.878	33.570	30.078	63.648	57,02	51,08	108,10	318,14
4	Tỷ suất LN sau thuế TNDN/Vốn điều lệ (%)	4,37	12,87	7,34	6,57	13,90	57,03	51,05	108,08	318,14

(*): Trong kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2018, sau khi rà soát lại số dư đầu kỳ, Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã quyết định trình bày lại số dư đầu kỳ để phản ánh chính xác hơn một số giao dịch phát sinh trong các năm tài chính trước liên quan đến các giao dịch góp vốn vào Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI. Theo đó, kết quả kinh doanh năm 2017 được điều chỉnh hồi tố lại tương ứng.

Với kết quả kinh doanh trên, BKS có nhận xét như sau: Năm 2018, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018, cụ thể:

+ Doanh thu năm 2018 là 2.254.284 triệu đồng, đạt 95,95% KH (trong đó giai đoạn công ty cổ phần là 47,88%) và giảm 2,02% so với năm 2017. Doanh thu không đạt kế hoạch và giảm so với năm 2017 do các điều kiện khách quan về thị trường kinh doanh như đã trình bày tại mục 2.1.1 và chủ yếu do doanh thu dịch vụ truyền hình chiếm tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu giảm mạnh (giảm 5,5%).

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 63.648 triệu đồng, đạt 108,10% KH (trong đó giai đoạn công ty cổ phần là 51,08%) và tăng trưởng 318,14% so với năm 2017. Tỷ lệ tăng cao do điều chỉnh hồi tố KQKD 2017 như đã trình bày ở trên.

+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ năm 2018 là 13,91% đạt 108,08% KH (trong đó giai đoạn công ty cổ phần là 51,05%) và tăng trưởng 318,14% so với năm 2017. Tỷ lệ tăng cao do điều chỉnh hồi tố KQKD 2017 như đã trình bày ở trên.

+ Tổng tài sản và tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2018 là 2.301.978 triệu đồng, giảm so với năm 2017 là 74.363 triệu đồng và giảm so với thời điểm chuyển thành công ty cổ phần ngày 30/06/2018 là 206.006 triệu đồng;

+ Vốn chủ sở hữu của công ty mẹ tại ngày 31/12/2018 là 487.537 triệu đồng tăng 14.195 triệu đồng và bằng 102,99% so với năm 2017, tăng 30.078 triệu đồng và bằng 106,57% so với thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty mẹ năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	TH năm 2018
1	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	35,68	34,99
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	64,14	65,01
1.2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	80,08	78,82
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	19,92	21,18
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,57	0,58
2.2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,35	0,41
3	Hệ số nợ			
3.1	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	4,02	3,72
3.2	Hệ số nợ phải trả/Vốn điều lệ	lần	4,16	3,97
4	Tỷ suất lợi nhuận			
4.1	Lợi nhuận trước thuế/Dthu	%	0,87	3,25
4.2	Lợi nhuận trên Tổng tài sản			
	- LN trước thuế/Tổng tài sản	%	0,84	3,13
	- LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,84	2,72
4.3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	3,95	13,25

Nhìn chung các chỉ tiêu chủ yếu để phân tích, đánh giá khái quát tình hình hoạt động của công ty mẹ năm 2018 so với năm 2017 biến động không đáng kể. Năm 2018 Tổng công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần nhưng công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh hầu như vẫn duy trì, kết quả kinh doanh có lãi. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu cần được quan tâm, giám sát để đảm bảo an toàn về tài chính như:

+ Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản là 65,01% nhưng nguồn vốn dài hạn trên tổng nguồn vốn chỉ chiếm 39,31%, Tổng công ty đang phải sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho tài sản dài hạn;

+ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán là 0,58 lần (<1) cho thấy tài sản ngắn hạn của Tổng công ty hiện không đủ để thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn;

+ Hệ số nợ: Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu 3,72 lần, giảm so với năm 2017, nhưng vẫn rất cao so với mức an toàn (không quá 3 lần).

b. Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty theo BCTC hợp nhất năm 2018 của Tổng công ty đã được kiểm toán như sau:

+ Tổng tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 2.417.501 triệu đồng, giảm 177.772 triệu đồng và bằng 93,15% so với năm 2017. Nguyên nhân tổng tài sản giảm chủ yếu do giảm hàng tồn kho

TT	Chi tiêu	Tại ngày 31/12/2017 (triệu đồng)	Tại ngày 31/12/2018 (triệu đồng)	Tỷ lệ biến động (%)
a	b	1	2	3=2/1
I	Tổng tài sản	2.595.273	2.417.501	93,15
1	Tài sản ngắn hạn	987.971	845.981	85,63
2	Tài sản dài hạn	1.607.302	1.571.521	97,77
II	Tổng nguồn vốn	2.595.273	2.417.501	93,15
1	Nợ phải trả	1.960.444	1.796.069	91,62
	- Nợ ngắn hạn	1.534.738	1.366.217	
	- Nợ dài hạn	425.706	429.851	
2	Vốn chủ sở hữu	634.828	621.433	97,89
	- Vốn góp của chủ sở hữu	458.000	457.459	
	- Vốn khác của chủ sở hữu	32.130	32.130	
	- Các quỹ và chênh lệch tỷ giá	64.941	24.099	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-49.462	-17.436	
	- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	129.219	125.181	

theo BCTC hợp nhất như sau:

- Các chi tiêu về tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2018 (trong đó giai đoạn cổ phần là 9.000 triệu đồng) giảm 22,66% so với năm 2017.
- + Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát năm 2018 là 19.459 triệu đồng (trong đó giai đoạn cổ phần là 32.095 triệu đồng) tăng 32% so với năm 2017;
- + Lợi nhuận thuộc Tổng công ty năm 2018 là 43.178 triệu đồng (trong đó giai đoạn cổ phần là 41.095 triệu đồng) tăng 8,24% so với năm 2017;
- + Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018 là 62.637 triệu đồng (trong đó giai đoạn cổ phần là 54.899 triệu đồng) tăng 8,61% so với năm 2017;
- + Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2018 là 86.101 triệu đồng (trong đó giai đoạn cổ phần là 1.173.870 triệu đồng) giảm 3,05% so với năm 2017;
- + Doanh thu hợp nhất năm 2018 đạt 2.328.716 triệu đồng (trong đó giai đoạn cổ phần là 1.173.870 triệu đồng) giảm 3,05% so với năm 2017;

TT	Chi tiêu	TH năm 2018 (triệu đồng)			Tỷ lệ TH 2018/2017 (%)	
		TH năm 2017 (triệu đồng)	6T đầu năm	6T cuối năm (giai đoạn CPH)		
a	b	1	2	3	4=2+3	5=4/1
1	Doanh thu	2.401.944	1.154.846	1.173.870	2.328.716	96,95
2	LN trước thuế TNDN	79.279	31.202	54.899	86.101	108,61
3	LN sau thuế TNDN	57.869	21.542	41.095	62.637	108,24
4	LN sau thuế thuộc Tổng công ty	32.711	11.083	32.095	43.178	132,00
5	LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25.159	10.459	9.000	19.459	77,34

109.794 triệu đồng và phân bổ chi phí trả trước, lợi thế thương mại 69.021 triệu đồng; tổng nguồn vốn giảm chủ yếu do giảm các khoản phải trả người bán 174.469 triệu đồng và giảm quỹ đầu tư phát triển 40.842 triệu đồng (do chuyển sang công ty cổ phần).

+ Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 621.433 triệu đồng, giảm 13.395 triệu đồng và bằng 97,89% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do giảm quỹ đầu tư phát triển 40.842 triệu đồng (khi chuyển sang công ty cổ phần), lỗ lũy kế giảm 32.026 triệu đồng.

2.1.5. Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018:

Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 thông qua 07 nội dung và đã được HĐQT, Ban giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ. Căn cứ kết quả thực hiện Nghị quyết, BKS có nhận xét, đánh giá như sau:

- Về Điều lệ của Tổng công ty:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty gồm 21 Chương và 59 Điều. Hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các đơn vị, cá nhân thuộc Tổng công ty tuân thủ theo Điều lệ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện công tác quản lý, điều hành còn có những vướng mắc do Điều lệ chưa quy định cụ thể, cần được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với thực tế.

- Về kết quả bầu cử HĐQT, BKS:

ĐHĐCĐ ngày 02/06/2018 đã bầu HĐQT, BKS theo đúng quy định. Tuy nhiên, sau khi rà soát quy định về nhân sự tham gia HĐQT và BKS, BKS đề xuất ĐHĐCĐ xem xét các vấn đề sau:

+ Đối HĐQT: Hiện nay các thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn đồng thời là công chức của Đài THVN là chưa phù hợp với Điều 6 Nghị định 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 của Chính phủ;

+ Đối với BKS: Theo quy định của Luật doanh nghiệp, BKS có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty, trong khi các thành viên BKS đều kiêm nhiệm nên việc thực thi nhiệm vụ còn chưa kịp thời, khó đảm bảo tiến độ, khó phát huy được vai trò, nhiệm vụ của thành viên BKS. Việc sắp xếp lại nhân sự của BKS đã được HĐQT nhất trí về mặt chủ trương tại Biên bản họp HĐQT số 07/BB-HQĐT-VTVcab ngày 19/11/2018.

- Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Như đã được trình bày tại mục 2.1.4.

- Về thực hiện chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS:

Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 mới chỉ thông qua mức thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS làm việc kiêm nhiệm, chưa đề cập về tiền lương đối với thành viên HĐQT, BKS làm việc chuyên trách.

Việc tính toán và chi trả tiền lương, thù lao cho thành viên HĐQT, BKS chưa phù hợp và chưa kịp thời, cụ thể:

+ Thành viên HĐQT, BKS làm việc chuyên trách chỉ được hưởng lương, không được hưởng thù lao. Thực tế, Tổng công ty đang chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS làm việc chuyên trách là không phù hợp.

+ Thời gian chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS phải trên cơ sở phù hợp với quy chế tiền lương của Tổng công ty. Thực tế, Tổng công ty đang chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS làm việc kiêm nhiệm 6 tháng/lần là không phù hợp.

- Về lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2018:

Tổng công ty đã lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) để kiểm toán BCTC năm 2018, đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018.

- Về ủy quyền cho HĐQT, BKS tổ chức triển khai và giám sát thực hiện nghị quyết:

Năm 2018, HĐQT, BKS đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo ủy quyền của ĐHĐCĐ và quy định pháp luật.

- Về việc xử lý khoản tiền vốn góp 18 tỷ đồng tại SmartMedia khi xác định GTDN thời điểm cổ phần hóa:

Theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và Văn bản số 1306/BTC-TCĐN ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính, Đài THVN đã có Công văn số 193/THVN-BCĐCPHVTVCab ngày 22/02/2019 báo cáo Văn phòng chính phủ và đề nghị được lựa chọn phương án xử lý phát sinh tăng vốn nhà nước sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty để cổ phần hóa. Sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ về nội dung báo cáo trên của Đài THVN, Đài THVN và VTVcab sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết.

2.2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban giám đốc và cổ đông:

Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ năm 2018-2019, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, hiệu quả của Tổng công ty, của cổ đông theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Các thành viên BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự và tham gia phát biểu ý kiến tại các cuộc họp của Tổng công ty.

Đối với cổ đông, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ cổ phần theo quy định Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Tuy nhiên, BKS có nhận được một số thông tin đề nghị làm rõ việc hợp tác kinh doanh giữa Tổng công ty với Công ty Trí Việt. Việc hợp tác với Trí Việt xuất phát từ chiến lược chung điều hành hoạt động kinh doanh của VTVcab được HĐQT thông qua tại Biên bản họp HĐQT số 03/BB-HĐQT-VTVcab ngày 02/08/2018 và đã có trong kế hoạch kiểm soát thường xuyên năm 2019 của BKS. Quá trình kiểm soát nội dung này nếu phát hiện có vấn đề gì không đúng quy định, BKS sẽ kiến nghị HĐQT xử lý kịp thời.

3. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của BKS và các thành viên BKS

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS:

Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của BKS được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và kết quả hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHCĐ năm 2018-2019, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS mới được thành lập nhưng với tinh thần làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm đã thực hiện tốt các nhiệm vụ giám sát HĐQT, Ban Giám đốc về quản lý và điều hành Tổng công ty.

- Đã thực hiện thẩm định BCTC năm 2018 của Tổng công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS đã có những đề xuất kiến nghị với HĐQT về việc tăng cường công tác quản lý, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đã được HĐQT, Ban Giám đốc quan tâm chỉ đạo thực hiện.

- BKS đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3.2. Đánh giá kết quả hoạt động của thành viên BKS:

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, BKS đã phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên BKS, các thành viên BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, BKS khi được triệu tập; tham gia ý kiến rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty của HĐQT và BKS; phối hợp tốt với các đơn vị trong Tổng công ty để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong các phiên họp và các hoạt động của BKS, các thành viên BKS đều làm việc với tinh thần trách nhiệm, đóng góp các ý kiến quan trọng, tuân thủ đúng Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ được phân công.

Tuy nhiên, hiện nay các thành viên BKS làm việc kiêm nhiệm đều đang làm công việc chính tại Ban KTNB như đã trình bày ở trên nên hiệu quả chưa cao.

4. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát

Qua kết quả kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty năm 2018, BKS có một số kiến nghị như sau:

- Kiến nghị ĐHCĐ:

+ Thông qua các quy chế hoạt động của HĐQT, BKS và quy chế quản trị nội bộ; uỷ quyền cho HĐQT chỉ đạo, rà soát lại Điều lệ để sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế;

+ Xem xét về nhân sự tham gia HĐQT, BKS để phù hợp với quy định và phát huy tốt hiệu quả hoạt động;

- Kiến nghị HĐQT:

+ Chỉ đạo rà soát các hợp đồng đầu tư, góp vốn và hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp khác để đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả kinh doanh và phòng tránh rủi ro; việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phải tuân thủ trình tự các bước theo đúng quy định và phù hợp với tính chất của dự án;

+ Chỉ đạo việc chi trả tiền lương đối với thành viên HĐQT, BKS làm việc chuyên

trách phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại Tổng công ty;

- Kiến nghị Ban giám đốc:

+ Tổ chức công tác kế toán quản trị để cung cấp thông tin kịp thời cho HĐQT, BKS về tình hình hoạt động đầu tư và tài chính của Tổng công ty hàng tháng, quý, năm;

+ Chỉ đạo Ban TCKT có phương án đẩy nhanh tiến độ lập và gửi BCTC phù hợp với quy định và phục vụ công tác quản lý, điều hành kịp thời.

Phần II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT GIỮA HAI KỲ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019-2020

1. Các nội dung kiểm tra, giám sát

Căn cứ nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định có liên quan, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa hai kỳ ĐHĐCĐ năm 2019-2020 với các nội dung sau:

- Phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc và các đơn vị thuộc Tổng công ty ban hành quy trình kiểm soát;

- Tổ chức giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019;

- Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc và thẩm định BCTC năm 2019 theo quy định;

- Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2019 của Tổng công ty và đề xuất ĐHĐCĐ thông qua;

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, các phiên họp điều hành của Ban giám đốc và tổ chức đi công tác thực tế tại các Chi nhánh, đơn vị thuộc Tổng công ty để nắm bắt tình hình và thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành và kết quả kinh doanh của toàn Tổng công ty.

2. Các hoạt động thực tế giữa hai kỳ ĐHĐCĐ năm 2019-2020

Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
T6/2019	- Ban hành quy trình kiểm soát; - Kiểm soát việc thực hiện các dự án đầu tư, việc mua sắm vật tư, tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh.; - Kiểm soát báo cáo tài chính quý I/2019	
T7&8/2019	- Tổ chức kiểm soát trực tiếp tại các chi nhánh kém hiệu quả.	
T9/2019	- Kiểm soát báo cáo tài chính quý II/2019.	
T10&11/2019	- Tổ chức kiểm soát trực tiếp tại các công ty con do VTVcab góp vốn trên 50% và/hoặc công ty do VTVcab có quyền chi phối hoặc quyền biểu quyết trên 50%.	
T12/2019	- Kiểm soát báo cáo tài chính quý III/2019	
T1/2020	- Rà soát tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019;	

	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2019; - Kiểm soát các công việc liên quan công tác tài chính thời điểm cuối năm 2019: + Công tác quản lý thuê bao và các dịch vụ gia tăng; + Công tác kiểm kê, đánh giá các loại tài sản, vật tư, tiền vốn tại thời điểm ngày 31/12/2019; + Khóa sổ kế toán, đối chiếu công nợ; 	
T2&3/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính năm 2019; - Công tác quản lý nhân sự, tiền lương và thu nhập đối với người lao động; - Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019; 	
T4/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Lập Báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; - Tham gia, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; 	

3. Chi phí hoạt động của BKS

Ban kiểm soát đề xuất chi phí hoạt động năm 2019 như sau:

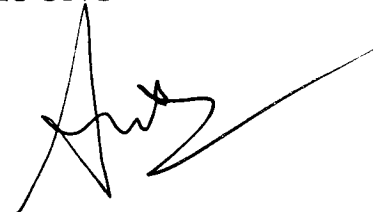
- Tiền lương, thù lao của thành viên BKS chuyên trách và không chuyên trách được chi trả theo quy định hiện hành đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của nhà nước và quy chế trả lương của Tổng công ty;

- Chi phí hoạt động của BKS được thanh toán theo thực tế, phù hợp với chế độ tài chính của nhà nước và của Tổng công ty theo năm tài chính.

Các chi phí trên đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt và bổ sung vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát giữa hai kỳ ĐHĐCĐ năm 2018-2019 và kế hoạch hoạt động năm 2019-2020 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 xem xét, thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Điệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**



**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Thực hiện từ ngày ... tháng ... năm 2019

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

MỤC LỤC

Vị trí trang

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Những căn cứ pháp lý	1
Điều 2: Mục đích và phạm vi áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1

CHƯƠNG II – CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát	2
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	2
Điều 6. Trách nhiệm pháp lý của Ban Kiểm soát	3
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	3
Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	5
Điều 10. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát	5
Điều 11. Miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 12. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	7
Điều 13. Hình thức kiểm soát	7
Điều 14. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát	7
Điều 15. Thời gian làm việc của Ban kiểm soát	9
Điều 16. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát	9
Điều 17. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát	9
Điều 18. Biên bản họp của Ban kiểm soát	11
Điều 19. Chế độ cung cấp thông tin	11
Điều 20. Bảo mật thông tin	12
Điều 21. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát	12

CHƯƠNG III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung	14
---------------------------------------	----

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-DHĐCD ngày / /2018 của HĐĐCD)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

1. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn;
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua ngày 02/06/2018;
3. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam ngày 02/06/2018.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy định cụ thể tại Quy chế này.
2. Quy chế này nhằm cụ thể hóa các quyền, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. Mọi hoạt động của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát phải tuân thủ Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông bầu ra;
 - “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Ban kiểm soát và Tổng công ty được quy định tại Điều lệ và các quy định

của pháp luật.

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Tổng công ty cũng có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm có 05 (năm) thành viên, thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát do các Thành viên Ban kiểm soát bầu ra theo nguyên tắc đa số và làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên được bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với hoạt động của Tổng công ty;

2. Bảo vệ lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty;

3. Không gây gián đoạn hoặc làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

4. Báo cáo trên cơ sở thực tế và phù hợp quy định pháp luật;

5. Cảnh báo các nguy cơ dẫn đến các hành vi làm tổn hại đến lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông;

6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích của các Thành viên Ban kiểm soát;

7. Mẫn cán và trung thực.

Điều 6. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông.

2. Đối tượng chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát là:

a) Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong quản lý Tổng công ty;

b) Các hoạt động điều hành Tổng công ty của Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

c) Các chứng từ, sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Tổng công ty do Ban Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng lập, Tổng Giám đốc duyệt và trình Hội đồng quản trị.

Điều 7. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Không là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

5. Là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp;

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị;

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị;

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Tổng công ty làm việc;

5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 10. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được

giao;

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và Cổ đông;

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông; không được sử dụng, tiết lộ thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

c) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 12. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và các lợi ích khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý, phù hợp với Quy chế tài chính Tổng công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 13. Hình thức kiểm soát

1. Kiểm soát gián tiếp là hoạt động kiểm soát chủ yếu, dựa trên báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, báo cáo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác thuộc Tổng công ty.

2. Kiểm soát trực tiếp là hoạt động kiểm tra trực tiếp tại các đơn vị trực thuộc Tổng công ty và doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty. Đây là giải pháp bổ sung cho hình thức kiểm soát gián tiếp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát.

Điều 14. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp các thành viên của Ban kiểm soát chưa thống nhất kết luận về vấn đề nào đó trong quá trình kiểm soát thì sẽ lấy ý kiến biểu quyết đa số. Những thành viên chưa thống nhất ý kiến đa số có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông xem xét, xử lý. Trong thời gian chưa có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì vẫn chấp hành theo quyết định đa số của Ban kiểm soát.

2. Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp chủ trì kiểm soát những vụ việc phức tạp và có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về mọi hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Những vụ việc kiểm soát mang tính chất phức tạp và diện rộng, Ban kiểm soát có thể thông báo với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để huy động thêm cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất trong Tổng công ty tham gia để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Những vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân bên ngoài Tổng công ty để phục vụ công tác kiểm soát thì cần phải được thông báo tới Hội đồng quản trị và bộ phận liên quan.

5. Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát thường xuyên, định kỳ, có trọng tâm và trọng điểm theo kế hoạch Trước khi tiến hành kiểm soát phải thông báo trước cho Hội đồng quản trị và các đối tượng bị kiểm soát về nội dung, chương trình, thời gian làm việc.

6. Những vụ việc kiểm soát đột xuất theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát được phân công có thể thông báo cho đối tượng bị kiểm soát bằng văn bản hoặc thông báo qua thư điện tử.

7. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng tháng của thành viên Ban kiểm soát.

8. Hoạt động hành chính của Ban kiểm soát theo quy định chung của Tổng công ty và do bộ phận hành chính văn phòng phục vụ. Chi phí hoạt động chung của Ban kiểm soát bao gồm chi phí cho hoạt động văn phòng, chi phí thuê tư vấn, kiểm toán, công tác phí và các chi phí khác được tính vào chi phí chung của Tổng công ty trên cơ sở hợp lý, hợp lệ và theo nguyên tắc tài chính của Tổng công ty và quy định pháp luật.

Điều 15. Thời gian làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát hợp định kỳ tối thiểu 01 (một) tháng/lần để rà soát, đánh giá các hoạt động của Ban kiểm soát. Mọi cuộc họp của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức vụ hoặc người được ủy quyền Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.

2. Ban kiểm soát có thể họp bất thường khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Tổng công ty. Thời gian thực hiện kiểm soát như quy định tại Khoản 6 Điều 165 Luật doanh nghiệp.

3. Các cuộc họp khác do Trưởng Ban kiểm soát quyết định tùy theo tình hình thực tế để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

4. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên Ban kiểm soát tham dự, địa điểm họp tại trụ sở đã đăng ký của Tổng công ty hoặc một địa điểm khác do các thành viên Ban kiểm soát thống nhất. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc có thể thông qua các hình thức khác như điện thoại, internet... Việc tham gia các cuộc họp của các thành viên Ban kiểm soát thông qua các phương tiện điện thoại, internet... được coi là đã tham dự và cần được ghi lại trong Biên bản họp.

Điều 16. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát, bộ phận giúp việc cho Ban kiểm soát (nếu có) chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các thành viên Ban kiểm soát. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết hoặc ý kiến bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Điều 17. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp mà có ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác tham dự họp thì thành viên được ủy quyền có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa

ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của Thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của Thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được Thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng các chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Trưởng Ban kiểm soát hoặc Người được ủy quyền chủ trì cuộc họp, phán quyết của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Người được ủy quyền chủ trì cuộc họp sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của Thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản gửi trước cuộc họp. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Người được ủy quyền chủ trì cuộc họp.

5. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua với các Thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

6. Trưởng Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Phiếu xin ý kiến cùng với các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên Ban kiểm soát trước một thời gian hợp lý để các Thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.

7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Thành viên Ban kiểm soát nếu được đa số các Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết tán thành với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

8. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

- Mục đích lấy ý kiến.

- Họ tên và địa chỉ liên lạc của Thành viên Ban kiểm soát.

- Vấn đề cần lấy ý kiến.

- Phương án biểu quyết, gồm: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Tổng công ty.

- Họ tên, chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 18. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Điều 19. Chế độ cung cấp thông tin

1. Các thành viên Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu như quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Nếu một thành viên của Ban kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban kiểm soát có liên quan.

Điều 20. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Tổng công ty và Pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu của Tổng công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Tổng công ty, hoặc các thông tin mà Tổng công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 21. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.

- Khi nhận được kết quả kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

3. Ban Tổng Giám đốc.

- Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Tổng công ty.

- Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị thuộc Tổng công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

- Định kỳ hàng (tháng, quý, năm), Ban Tổng Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị các báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ

thực hiện kế hoạch, kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt thì đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát.

- Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, Ban kiểm soát kiến nghị đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, Tổng Giám đốc sẽ xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Ban Tổng Giám đốc.

- Ban Tổng Giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Ban kiểm soát tham gia cùng đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết.

4. Quan hệ với các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

- Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát và ý kiến của Tổng Giám đốc.

- Phụ trách các đơn vị trực thuộc được kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực và hợp pháp của các tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

- Phụ trách các đơn vị trực thuộc phải ký và hoặc đóng dấu xác nhận vào biên bản kiểm tra do Ban kiểm soát lập, ghi rõ ý kiến của đơn vị đối với những ý kiến nhận xét, kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Phụ trách các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thông báo cho Ban kiểm soát/ Thành viên Ban kiểm soát khi phát hiện có các sai phạm, rủi ro, thất thoát về tài sản tại đơn vị mình.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

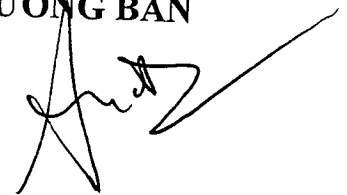
1. Quy chế này gồm 3 Chương 22 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trường hợp Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật có liên quan có những quy định mới khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định mới của Điều lệ và Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

3. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Các thành viên Ban kiểm soát và các bộ phận, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Điệp



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
3/84 NGỌC KHÁNH, BA ĐÌNH, HÀ NỘI, VIỆT NAM

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Căn cứ pháp lý	2
Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Áp dụng văn bản	3
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT	3
Điều 5. Trách nhiệm pháp lý của HĐQT	3
Điều 6. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	3
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT	3
Điều 8. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động	4
CHƯƠNG III. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT	4
Điều 9. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	4
Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT	4
Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên HĐQT	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT	5
Điều 13. Thành viên HĐQT thay thế	5
Điều 14. Thành viên kiêm nhiệm	5
Điều 15. Thành viên chuyên trách	5
Điều 16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	5
Điều 17. Đương nhiên mất tư cách là thành viên HĐQT	6
Điều 18. Bộ máy giúp việc của HĐQT	6
CHƯƠNG IV. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT, TỔ CHỨC CUỘC HỌP, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HĐQT	7
Điều 19. Các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên của HĐQT	7
Điều 20. Các cuộc họp HĐQT	8
Điều 21. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	8
Điều 22. Điều kiện làm việc của HĐQT	8
Điều 23. Thù lao và chi phí hoạt động	9
CHƯƠNG V. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HĐQT	9
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	9
Điều 25. Mối quan hệ giữa HĐQT với Ban Điều hành	10
Điều 26. Mối quan hệ giữa HĐQT với Ban Kiểm soát	11
Điều 27. Mối quan hệ giữa HĐQT với các cổ đông	12
CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	13
Điều 28. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung	13

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày / /2019)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Căn cứ pháp lý

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Quyết định số 811/QĐ-THVN ngày 18/6/2018 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam thành Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua ngày 02/06/2018;

Nghị quyết số 01/NQ-VTVcab ngày 02/6/2018 của Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động theo pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy định tại Quy chế này.

Quy chế này nhằm cụ thể hoá quyền, trách nhiệm, chế độ công tác, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị phải tuân thủ Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Hội đồng quản trị” là tên gọi tắt của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam;

- “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Tổng công ty cũng có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Điều 4. Áp dụng văn bản

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp quy chế này không quy định thì các quy định có liên quan của pháp luật và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Tổng công ty và quy định mới của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

Điều 6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

- Tuân thủ Điều 28 Điều lệ Tổng công ty.
- Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số quá bán (trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp có quyền biểu quyết hoặc trên 50% số thành viên có quyền tham gia biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết phân đối và tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành sẽ cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với hoạt động và sự phát triển của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đồng ý cho Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền lại những công việc đã được Hội đồng quản trị ủy quyền.

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động

Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên, gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên. Việc phân công nhiệm vụ và điều chuyển nhiệm vụ giữa các thành viên Hội đồng quản trị phụ thuộc vào tình hình thực tế và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ, do Hội đồng quản trị quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Tổng công ty. Mọi hoạt động của Tổng công ty phải chịu sự chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị. Bên cạnh các quyền và nghĩa vụ quy định theo pháp luật, Điều lệ và các quy định khác trong Quy chế này, Hội đồng quản trị còn có các nghĩa vụ sau:

1. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Tổng công ty phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông.

2. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.

3. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Các quyết định đình chỉ của Hội đồng quản trị được thể hiện bằng Biên bản, có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị, có các quyền và nhiệm vụ sau:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

- Chịu trách nhiệm chung mọi công việc của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng cổ đông về các quyết định của mình trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và các vấn đề được Hội đồng quản trị ủy quyền

- Là người lập chương trình, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng quản trị;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung và là chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

- Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;

- Chủ trì cuộc họp phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Tổng công ty; theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá định kỳ hàng năm. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký.

- Trực tiếp chỉ đạo một số công việc cụ thể theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

- Có quyền ủy quyền lại cho Ban Điều hành và Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc những công việc đã được Hội đồng quản trị ủy quyền.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Khoản 2 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quyết định phân công của Hội đồng quản trị.

- Bầu, biểu quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

- Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, trừ trường hợp không được biểu quyết theo quy

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến biểu quyết của mình. Trong trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Tổng công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị cũng có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và bất kỳ cán bộ quản lý các đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

Cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 13. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

- Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

- Khi số lượng thành viên hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên được quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập hội Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung.

Điều 14. Thành viên kiêm nhiệm

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý Tổng công ty trừ các trường hợp được quy định trong Điều lệ Tổng công ty và theo quy định của pháp luật..

Điều 15. Thành viên chuyên trách

Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1 thành viên chuyên trách để quản lý các hoạt động của Tổng công ty, đề xuất chiến lược phát triển Tổng công ty.

Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách nếu không đáp ứng được các tiêu chuẩn tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty và các nội dung cụ thể sau:

- Không đủ sức khoẻ để đảm nhiệm nhiệm vụ được giao.
- Vi phạm pháp luật, bị kết tội và truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có hành vi chuyên dịch cơ hội kinh doanh để thu lợi cho bản thân và người liên quan, gây thiệt hại cho Tổng công ty.
- Tiết lộ bí mật kinh doanh của Tổng công ty.
- Vi phạm các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc Quy chế này mà theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị là nghiêm trọng.
- Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- Các trường hợp khác được quy định tại Khoản 4 Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 17. Đương nhiên mất tư cách là thành viên Hội đồng quản trị

- Mất năng lực hành vi dân sự, chết.
- Không đủ tiêu chuẩn theo Điều 28 Điều lệ Tổng công ty.
- Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
- Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
- Bị trục xuất khỏi nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Tổng công ty bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Thư ký Hội đồng quản trị:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể giao nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị cho một hoặc một số cá nhân/ bộ phận chức năng phù hợp với lĩnh vực nghiệp vụ. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Hội đồng quản trị được quy định như sau:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
- Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- Các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao
- Chức danh Thư ký Hội đồng quản trị có thể được thay đổi tên gọi cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể và do Hội đồng quản trị quyết định.
- Số lượng Thư ký Hội đồng quản trị, chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định. Các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty.
- Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm các chức danh trợ lý, cố vấn cao cấp cho Chủ tịch.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tổ giúp việc để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình khi thấy cần thiết. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và cơ chế hoạt động của các Tổ giúp việc do Hội đồng quản trị quy định cụ thể trong các Quyết định thành lập.

3. Ngoài bộ máy giúp việc tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, các phòng/ ban/ trung tâm thuộc Tổng công ty thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc Hội đồng quản trị sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu thấy cần thiết) để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT, TỔ CHỨC CUỘC HỌP, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên của Hội đồng quản trị

Thông qua các thành viên chuyên trách đã được Hội đồng quản trị uỷ quyền, Hội đồng quản trị sẽ thường xuyên kiểm tra giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để kịp thời đưa ra các quyết định mà Hội đồng quản trị cho rằng Quyết định đó tuân thủ theo đúng qui định của Pháp luật và đảm bảo lợi ích cho Tổng công ty.

Điều 20. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ của Tổng công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động.

2. Biên bản họp hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ Văn phòng Tổng công ty.

Điều 21. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty, phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty.

Điều 22. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng phương tiện và bộ máy quản lý Tổng công ty để thực hiện công việc hàng ngày theo chức năng nhiệm vụ được quy định.

2. Văn phòng Tổng công ty có trách nhiệm nhận và chuyển tất cả các tài liệu đến và đi của Hội đồng quản trị. Những văn bản thuộc trách nhiệm Hội đồng quản trị phải được gửi đến Hội đồng quản trị kịp thời. Văn bản có tính chất điều hành thì gửi thẳng cho Tổng Giám đốc và sao gửi cho Hội đồng quản trị để theo dõi. Sao gửi cho Hội đồng quản trị những tài liệu liên quan đến quản lý nhà nước,

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

các quyết định điều hành của Tổng Giám đốc và báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm của Tổng Công ty cũng như các đơn vị thuộc Tổng công ty.

3. Khi thấy cần thiết, thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp làm việc với các phòng ban của Tổng công ty để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phân công hoặc chuẩn bị ý kiến cho cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi làm việc, các thành viên của Hội đồng quản trị có thể chất vấn, trao đổi, nhưng không được vi phạm chức năng điều hành của Tổng Giám đốc và phải thông báo trước với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Mọi vấn đề thuộc trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị phải trực tiếp trao đổi với Tổng Giám đốc để có biện pháp giải quyết kịp thời.

4. Các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị trong Tổng Công ty có trách nhiệm cung cấp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của các thành viên của Hội đồng quản trị và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu đã cung cấp.

Điều 23. Thù lao và chi phí hoạt động

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được chỉ định thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác (nếu có) được hưởng từ Tổng công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty và các Tổng Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

Chương V

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà các thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu Ban Điều hành, phê duyệt đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phân công nhiệm vụ đối với các chức danh trong Ban Điều hành trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ hoạt động của Tổng công ty.

3. Ban Điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra và giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trường hợp khi thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phát hiện các vấn đề không có lợi ích cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị bằng văn bản lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua các Nghị quyết, Quyết định về đề án theo quy định của Điều lệ Tổng công ty thì Tổng Giám đốc được ký các đề án theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và triển khai thực hiện theo quy định phân cấp.

5. Ngoài các công việc phải trình Hội đồng quản trị thì Ban Điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành sản xuất kinh doanh theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc đã được Hội đồng quản trị ban hành. Các quyết định vượt quá thẩm quyền cho phép trong trường hợp khẩn cấp (Nguy cơ chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố...), thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6. Tổng Giám đốc phải báo cáo bằng văn bản định kỳ hàng tháng, hàng quý về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ và phương hướng trong thời gian tới của Tổng công ty cho Hội đồng quản trị.

7. Hàng quý, hàng năm Hội đồng quản trị tổ chức họp với Ban Điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ, trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thiết.

8. Các cuộc họp do cấp trên hoặc các cơ quan liên quan mời (trừ mời đích danh) thì tùy tính chất của cuộc họp để phân công cụ thể.

a) Các cuộc họp quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý các vấn đề vướng mắc lớn của Tổng công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo nội dung cuộc họp cho nhau.

b) Những cuộc họp liên quan đến chủ trương, chính sách có tính chất điều hành thì Tổng Giám đốc tham dự, sau đó thông báo lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu Tổng Giám đốc không tham dự được thì thành viên Hội đồng quản trị tham dự, sau đó thông báo lại cho Tổng Giám đốc.

Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Hàng quý, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tổ chức họp chung để trao đổi, thảo luận các vấn đề của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.

5. Ban Kiểm soát tự đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của từng thành viên và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Điều 27. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông

1. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phải thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với các cổ đông; thực hiện đầy đủ các nội dung của Điều lệ liên quan đến các cổ đông.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông, cần giải thích rõ ràng, giải quyết triệt để các ý kiến, khiếu nại của cổ đông nhằm duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa Hội đồng quản trị và các cổ đông của Tổng công ty.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 28. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này gồm 06 Chương, 28 Điều, có hiệu lực kể từ ngày .../.../2019.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị và Người có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Huân

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM



QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành theo Nghị quyết số...../NQ-ĐHDCĐ ngày ...tháng ...năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam)

Hà nội, ngày tháng năm 2019

Mục lục

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Cơ sở pháp lý	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ	4
Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên	6
Điều 6. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 7. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	7
Điều 8. Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 9. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	9
Chương III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị	13
Điều 15. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị	14
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị	15
Chương IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị	15

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	16
Điều 21. Cách thức biểu quyết	16
Điều 22. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	17
Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	17
Điều 24. Công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng Quản trị	18
Chương V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	18
Điều 25. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên.....	18
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty	19
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	19
Điều 28. Bầu Trưởng ban kiểm soát.....	19
Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	19
Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	20
CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN	20
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	20
Chương VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI.....	21
ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	21
Điều 32. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp	21
Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	21
Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp	22
Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	22
Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	22
Chương VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	23
Điều 37. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.....	23
Điều 38. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát	23
Điều 39. Tổng giám đốc	24
Điều 40. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	24
Điều 41. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	25

Điều 42. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	25
Điều 43. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc	26
Chương IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	26
Điều 44. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.....	26
Chương X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	29
Điều 46. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	29
Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	29
Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	29
Chương XI: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ	30
Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về quản trị nội bộ.....	30
Chương XII: NGÀY HIỆU LỰC	30
Điều 50. Ngày hiệu lực.....	30

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty được xây dựng theo quy định của:
 - Luật Doanh nghiệp 2014;
 - Luật Chứng khoán 2010;
 - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là Nghị định 71);
 - Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là Thông tư 95);
 - Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ điều hành khác của Tổng Công ty.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
5. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
6. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;
8. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
9. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a. “Quản trị Công ty”: là hệ thống các quy tắc bao gồm: Đảm bảo cơ cấu hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông và công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng Công ty.
- b. “Tổng Công ty/Công ty”: là Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam.
- c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty thông qua ở từng thời điểm.
- d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Tổng Công ty.
- e. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty.
- f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán, bao gồm:
- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, Công ty con;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- g. “Người điều hành doanh nghiệp”: là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.
- h. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71.
- j. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Tổng Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các thông tin theo quy định của Pháp luật.
 - b. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.
 - c. Chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty (website) và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty đã niêm yết) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội cổ đông.
 - d. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Điều 6. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Tổng Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của

Tổng Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
- d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 7. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong đại hội.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
3. Theo quyết định của ít nhất sáu mươi lăm (65)% tổng số cổ đông tham dự cuộc họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu.

Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức trong nước bất kỳ do Chủ tọa lựa chọn với điều kiện là tổ chức này không phải là người có liên quan của những người có quyền và nghĩa vụ trong vấn đề nhạy cảm mà Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận, không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Người có liên quan được xác định theo quy định của khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình thông qua.

Điều 8. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Tổng Công ty.
2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy chế này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.
3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
4. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.
5. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập Biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
2. Biên bản phải bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại Điều 25 Điều lệ Tổng Công ty.
3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo Biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự và các tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong vòng hai mươi tư (24) h kể từ thời điểm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, Tổng Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến

bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Tổng Công ty.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân; giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện

từ phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) Công ty khác.

Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:
 - a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị.
 - b. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:
 - ✓ Từ 05% đến dưới 10% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.
 - ✓ Từ 10% đến dưới 30% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.
 - ✓ Từ 30% đến dưới 40% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.
 - ✓ Từ 40% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 04 ứng cử viên.
 - ✓ Từ 50% đến dưới 60% thì được đề cử tối đa 05 ứng cử viên.
 - ✓ Từ 60% đến dưới 70% thì được đề cử tối đa 06 ứng cử viên.
 - ✓ Từ 70% đến dưới 80% thì được đề cử tối đa 07 ứng cử viên.
 - ✓ Từ 80% đến dưới 90% thì được đề cử tối đa 08 ứng cử viên.
2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử nêu tại điểm b khoản 1 Điều này mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.
2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt, có đóng dấu của Tổng Công ty.
3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
 - b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
 - c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Ứng viên trúng cử Hội đồng Quản trị phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 51% tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông.
7. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ

số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

8. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có tỷ lệ lớn hơn 51% thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng Quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
9. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.
10. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 15. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần, mất năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Trong thời hạn hai mươi bốn (24)h kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà

nước. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty đã niêm yết, đăng ký giao dịch) Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

Chương IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

2. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt, và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 31 Điều lệ Tổng Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả thành viên dự họp.

Điều 22. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm thư ký ghi biên

bản họp. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

Biên bản họp bao gồm các nội dung chính sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - f. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - g. Các vấn đề đã được thông qua;
 - h. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
3. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài khác, có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 24. Công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng Công ty theo trình tự và quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán.

Chương V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện thực hiện kiểm

toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty

1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty được thực hiện tương tự quy định tại Điều 13 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.
2. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 28. Bầu Trưởng ban kiểm soát

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
2. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3, điều 38 Điều lệ Tổng Công ty;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;
 - c. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Trong thời hạn hai mươi tư (24h) kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Tổng Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Tổng Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty đã niêm yết, đăng ký giao dịch) Bản cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát mới (nếu có).

CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN

THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Tùy từng thời điểm, Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ.
2. Các tiểu ban gồm ít nhất 03 thành viên, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài, trong đó thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số và một trong các thành viên này sẽ được bầu làm trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên các tiểu ban phải là người có kiến thức chuyên môn, am hiểu các lĩnh vực mà tiểu ban đó phụ trách.

4. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ các quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên của Hội đồng quản trị.
5. Việc thực thi các quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty,
6. Hội đồng quản trị quy định chi tiết việc thành lập, quyền và trách nhiệm cụ thể của các tiểu ban này.

Chương VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng Công ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng Giám đốc

Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và:

- a. Là cổ đông của Tổng Công ty và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty;
- b. Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng.
 - a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định về pháp luật kế toán;
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.
 - c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên. Phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.
 - d. Có thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được sử dụng số lượng và loại của Người điều hành doanh nghiệp cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp

1. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi xem xét đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
2. Khi Tổng giám đốc hết nhiệm kỳ và không được tái bổ nhiệm.
3. Căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
4. Có đơn từ chức.
5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Trong thời hạn hai mươi tư (24h) kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm Người điều hành, Tổng Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới,

bỏ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm Người điều hành, Tổng Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty đã niêm yết, đăng ký giao dịch) Bản cung cấp thông tin của Người điều hành mới (nếu có).

Chương VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể mời Trưởng ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc họp.
2. Tại các phiên họp của Ban kiểm soát có nội dung quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng giám đốc tham gia cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc họp.

Ban kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông.

3. Tại các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Tổng giám đốc để thảo luận những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người nhận ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau hi cuộc họp kết thúc.

Điều 38. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời

hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 39. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 40. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác, nội dung văn bản đó phải nêu rõ mục đích họp, vấn đề cần thảo luận.
2. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 1 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn
 - a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Tổng Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;
- k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Điều 41. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Theo định kỳ hàng tháng, Tổng giám đốc phải tổ chức họp Ban Tổng giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
3. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 42. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch hàng năm để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, sử dụng và các chế độ chính sách đối với người lao động tại Tổng Công ty.
3. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp.
4. Tổng giám đốc chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao

gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty.

5. Các nội dung khác Tổng giám đốc cần phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.
6. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng Công ty.
7. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Công ty trước ít nhất 48 giờ. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.
3. Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị có quyền truy vấn thông tin, số liệu, hồ sơ của Tổng Công ty trực tiếp qua các cán bộ, nhân viên phụ trách chuyên môn của các Phòng, ban trong Tổng Công ty. Trao đổi trực tiếp, gián tiếp giữa các thành viên Ban Kiểm soát để làm sáng rõ các vấn đề quan tâm, phục vụ lợi ích chung.

Chương IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 44. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành khác

1. Phương thức đánh giá hoạt động

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành

viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác của Tổng Công ty có thể được tiến hành theo một số phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá;
 - b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - c. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
2. Tiêu chí đánh giá hoạt động
- a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác căn cứ vào kế hoạch đề ra từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên.
 - b. Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.
3. Khen thưởng, kỷ luật
- a. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - b. Tổng giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.
 - c. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Tổng Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.
4. Đối với thành viên Hội đồng quản trị
- a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, dựa theo các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật về Quy chế thi đua khen thưởng của Hội đồng quản trị.
 - c. Kỷ luật: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng

quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

5. Đối với thành viên Ban Kiểm soát

- a. Đánh giá hoạt động: Ban Kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Trưởng ban) theo định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát.
- b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng ban Kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật về Quy chế thi đua khen thưởng của Hội đồng quản trị.
- c. Kỷ luật: Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

6. Đối với Tổng giám đốc và các người điều hành khác

- a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ đánh giá năng lực, phẩm chất, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc và các người điều hành khác theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát.
- b. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung (trong đó có Tổng giám đốc và các người điều hành khác), xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị
- c. Kỷ luật: Tổng giám đốc và các người điều hành khác chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm

trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

7. Trách nhiệm về thiệt hại

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

8. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh, bổ sung quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.

Chương X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Tùy từng thời điểm, theo nhu cầu công việc của Hội đồng quản trị hoặc theo quy định của pháp luật, Tổng Công ty có thể có Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được thực hiện một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Chương XI: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về quản trị nội bộ

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 50. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương 50 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm 2019.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty phải có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Huân

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

BÁO CÁO

Về việc thông qua tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2018 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

I. Bổ sung quỹ lương kế hoạch năm 2018:

Do tại thời điểm thực hiện việc thành lập Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, theo Nghị quyết số 01/NQ-VTVcab ngày 02/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần chưa phê duyệt mức tiền lương đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách, vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bổ sung phương án về xây dựng mức tiền lương đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, kiểm soát viên chuyên trách tại Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam kể từ thời điểm thành lập Công ty cổ phần (tháng 07 năm 2018) như sau:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và tiền lương bình quân thực hiện năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam, mức tiền lương và quỹ lương kế hoạch năm 2018 đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát chuyên trách cụ thể:

TT	Chức danh	Số lượng người	Mức tiền lương cơ bản	Hệ số tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận kế hoạch	Mức tiền lương kế hoạch năm 2018	Tổng quỹ lương kế hoạch 06 tháng cuối năm 2018
I	Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách					
1	Chủ tịch HĐQT	1	36.000.000	1,5	54.000.000	324.000.000
2	Tổng Giám đốc	1			52.500.000	315.000.000
II	Thành viên Ban Điều hành không tham gia HĐQT (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng)					
1	Phó Tổng Giám đốc	3			48.000.000	864.000.000
2	Kế toán trưởng	1			43.500.000	261.000.000
III	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách					
1	Trưởng ban Kiểm soát	1			35.550.000	213.300.000
2	Kiểm soát viên chuyên trách	0			20.000.000	0
	TỔNG QUỸ LƯƠNG KẾ HOẠCH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2018					1.977.300.000

II. Tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát 06 tháng cuối năm 2018 (tính kể từ thời điểm thành lập Công ty Cổ phần)

1. Kế hoạch năm phê duyệt:

Căn cứ việc bổ sung quỹ lương kế hoạch đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát 06 tháng cuối năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-VTVcab ngày 02/06/2018 đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam phê duyệt và thông qua quỹ thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát với tỷ lệ biểu quyết là 100%.

Tổng quỹ lương và thù lao kế hoạch 06 tháng cuối năm 2018 cụ thể như sau:

- Tổng quỹ lương kế hoạch 06 tháng cuối năm 2018: 1.977.300.000 đồng.
- Tổng quỹ thù lao kế hoạch 06 tháng cuối năm 2018: 528.000.000 đồng.

2. Tình hình thực hiện năm:

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, VTVcab hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Do 06 tháng đầu năm 2018, VTVcab là Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước; 06 tháng cuối năm 2018, VTVcab là Công ty Cổ phần, vì vậy, quỹ tiền lương và thù lao thực hiện 06 tháng cuối năm 2018 bằng quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch 06 tháng cuối năm 2018 đối với thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát được xác định như trên, cụ thể:

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện 06 tháng cuối năm 2018: **1.977.300.000 đồng.**
- Tổng quỹ thù lao thực hiện 06 tháng cuối năm 2018: **528.000.000 đồng.**

TT	Chức danh	Số lượng người	Mức tiền lương thực hiện 2018	Mức thù lao thực hiện năm 2018	Tổng quỹ lương thực hiện 06 tháng cuối năm 2018	Tổng quỹ thù lao thực hiện 06 tháng cuối năm 2018
I	Thành viên Hội đồng quản trị					
1	Chủ tịch HĐQT	1	54.000.000	12.000.000	324.000.000	72.000.000
2	Tổng Giám đốc	1	52.500.000	10.000.000	315.000.000	60.000.000
3	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3		10.000.000	0	180.000.000
II	Thành viên Ban Điều hành không tham gia HĐQT (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng)					
1	Phó Tổng Giám đốc	3	48.000.000		864.000.000	0
2	Kế toán trưởng	1	43.500.000		261.000.000	0
III	Thành viên Ban Kiểm soát					
1	Trưởng ban Kiểm soát	1	35.550.000	8.000.000	213.300.000	48.000.000
2	Kiểm soát viên chuyên trách	0	20.000.000	0	0	0
3	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	4		7.000.000	0	168.000.000
TỔNG QUỸ LƯƠNG THÙ LAO THỰC HIỆN 06 CUỐI NĂM THÁNG 2018					1.977.300.000	528.000.000

HĐQT kính đề nghị ĐHCĐ thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 06 tháng cuối năm 2018 của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát như báo cáo nêu trên.

III. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát năm 2019

1. Cơ sở xác định

- Luật doanh nghiệp năm 2014.

- Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của VTVcab.

2. Phương án xây dựng

2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát:

a) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của thành viên HĐQT chuyên trách, Ban Điều hành:

+ Số lượng thành viên HĐQT chuyên trách kế hoạch năm 2019: 02 người.

+ Số lượng thành viên Ban Điều hành chuyên trách kế hoạch năm 2019 (gồm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng): 04 người.

+ Quỹ lương kế hoạch năm 2019 của thành viên HĐQT chuyên trách, Ban Điều hành cụ thể (đơn vị tính: đồng).

TT	Chức danh	Số lượng người	Mức tiền lương cơ bản	Hệ số tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận kế hoạch (Lợi nhuận kế hoạch 2019 đạt trên 50 tỷ đồng)	Mức tiền lương kế hoạch năm 2019	Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2019
I	Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách					
1	Chủ tịch HĐQT	1	36.000.000	1,5	54.000.000	648.000.000
2	Tổng Giám đốc	1			52.500.000	630.000.000
II	Thành viên Ban Điều hành không tham gia HĐQT (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng)					
1	Phó Tổng Giám đốc	3			48.000.000	1.728.000.000
2	Kế toán trưởng	1			43.500.000	522.000.000
	Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2019	6			49.000.000	
	Tổng quỹ lương kế hoạch NQL chuyên trách	6				3.528.000.000

+ Trường hợp Công ty bảo toàn và phát triển vốn, bảo đảm tiền lương và thu nhập của người lao động không giảm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch tăng so với thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân

kế hoạch của người quản lý chuyên trách tăng so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề.

+ Trường hợp Công ty không bảo toàn và phát triển vốn, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật, tiền lương và thu nhập của người lao động và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch giảm so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách giảm so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề.

b) Quỹ lương kế hoạch của thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách:

+ Số lượng thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách kế hoạch năm 2019 (gồm Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm soát viên chuyên trách): 03 người.

+ Quỹ lương kế hoạch năm 2019 của Ban Kiểm soát chuyên trách cụ thể (đơn vị tính: đồng):

TT	Chức danh	Số lượng người	Mức tiền lương kế hoạch năm 2019	Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2019
1	Trưởng ban Kiểm soát	1	43.500.000	522.000.000
2	Kiểm soát viên chuyên trách	2	20.000.000	480.000.000
	Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2019	3	27.833.333	
	Tổng quỹ lương kế hoạch Kiểm soát viên chuyên trách năm 2019	3		1.002.000.000

2.2. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2019 của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên kiêm nhiệm:

Quỹ thù lao kế hoạch được xác định trên cơ sở số người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý công ty chuyên trách.

+ Số thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 4 người.

+ Số thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 2 người.

+ Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2019 của người quản lý công ty chuyên trách: 49.000.000 đồng/người/tháng.

+ Mức thù lao kế hoạch năm 2019 tối đa: 9.800.000 đồng/người/tháng.

+ Khoản 3 Điều 28 Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ quy định: *Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.*

+ Khoản 8 Điều 29 về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam được Đại hội

đồng cổ đông lần đầu thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-VTV CAB ngày 02/6/2018 thì: Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc thành viên HĐQT làm việc hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

Căn cứ quy định nêu trên, đối với chức danh Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty, nếu làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao theo mức thù lao và thời gian làm việc (tính theo tháng) quy định nêu trên.

+ Quỹ thù lao kế hoạch năm 2019:

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Tỷ lệ hưởng thù lao trên mức lương bình quân kế hoạch năm 2019 của Người quản lý chuyên trách	Mức thù lao (Đồng/người /tháng)	Tổng thù lao kế hoạch 2019 (Đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	20%	9.800.000	117.600.000
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	4	18%	8.820.000	423.360.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm	2	10%	4.900.000	117.600.000
	Tổng thù lao kế hoạch năm 2019			23.520.000	658.560.000
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Quỹ thù lao của thành viên HĐQT:				540.960.000
	+ Quỹ thù lao của Kiểm soát viên kiêm nhiệm:				117.600.000

3. Đề nghị phê duyệt

3.1. HĐQT kính đề nghị ĐHCĐ thông qua báo cáo xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam nêu trên, trong đó:

Chức danh	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019	Quỹ thù lao kế hoạch năm 2019
Thành viên HĐQT, Ban Điều hành	3.528.000.000	540.960.000
Thành viên Ban Kiểm soát	1.002.000.000	117.600.000

+ Trường hợp Công ty bảo toàn và phát triển vốn, bảo đảm tiền lương và thu nhập của người lao động không giảm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch tăng so với thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách tăng so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề.

+ Trường hợp Công ty không bảo toàn và phát triển vốn, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật, tiền lương và thu nhập của người lao động và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch giảm so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách giảm so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề.

3.2. HĐQT kính đề nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện:

a) Chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2019 cho các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

b) Quyết định quỹ tiền lương, thù lao, quỹ thưởng thực hiện năm 2019 của thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát căn cứ trên cơ sở quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019, số lượng thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát thực hiện trong năm, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của VTVcab và theo các văn bản quy phạm pháp luật về tiền lương hiện hành.

c) Quyết định mức tiền lương, thù lao phát sinh thêm trong trường hợp thay đổi thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát (nếu có) phù hợp với nguyên tắc xác định tiền lương, thù lao của các thành viên còn lại.

d) Quyết định nguyên tắc chi trả đối với các chức danh thuộc thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát: Tạm ứng 80% quỹ lương hàng tháng; 20% quỹ lương còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh đối với từng vị trí chức danh.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Huân

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
(lần thứ nhất)**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam được thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-VTVcab ngày 02/6/2018 của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày.....

Điều 1: Các nội dung được sửa đổi, bổ sung của điều lệ như sau:

(a) Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi như sau:

“ Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: Vietnam cable television corporation joint stock company.
- Tên viết tắt: Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Tên viết tắt Tiếng Anh: VTVcab

(b) Bãi bỏ khoản 3 điều 2

(c) Bãi bỏ điểm 15 khoản 1 điều 3

(d) Bãi bỏ khoản 1 điều 4

(e) Bãi bỏ khoản 7 điều 5

(f) Điểm 2.6 và điểm 2.9, khoản 2 điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2.6 Có quyền quyết định việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật; tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và đăng ký điều lệ tại các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện các nội dung này cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có Quyết định khác.

2.9 Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định đối với các vấn đề về cơ cấu tổ chức, quy trình/quy chế quản lý nội bộ, bộ máy quản lý điều hành của Tổng công ty, bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật. Thời hạn ủy quyền kéo

dài tới khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.”

(g) Bãi bỏ khoản 5 điều 18

(h) Khoản 2 điều 29: sửa đổi điểm d; h; l và bổ sung điểm y. Cụ thể như sau:

d. Quyết định việc phát hành trái phiếu và các loại hình chứng khoán khác của Tổng công ty, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác.

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Tổng công ty không thuộc phạm vi quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua và quyết định đối với các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

l. Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần, thay đổi cơ cấu vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác;

y. Thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này”

(i) Khoản 1 điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.”

(j) Khoản 1; khoản 2 điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty tối đa là (05) thành viên. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (5) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.”

(k) Khoản 1 điều 51 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Trong thời hạn theo quy định của Pháp luật, Tổng công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.”



(l) Điều 54 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 54: Giải thể

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

1.1. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.2. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.”

(m) Bãi bỏ điều 55

(n) Khoản 1 điều 56 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 55: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.”

(o) Bãi bỏ Khoản 1 điều 58

Điều 2: Hiệu lực của phụ lục sửa đổi Điều lệ:

Các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ nêu tại điều 1 trên đây có hiệu lực kể từ ngày....

Hà Nội, ngày.....

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Ngọc Huân